

**Người đặt vấn đề đi tìm tâm phục  
trong đường lối đối ngoại:**

## Nguyễn Hữu Hào

Thuộc gia đình võ tướng, cha, Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật (1604 - 1681), anh, Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh<sup>1</sup>. Nguyễn Hữu Hào lúc nhỏ từng theo cha trong quân ngũ, lập được nhiều công. Năm Kỷ Tỵ (1689) dưới triều Nguyễn Phúc Trăn, ông được bổ Cai Cơ. Năm Canh Ngọ (1690) vì bị gièm pha làm lỡ việc quân (được cử tiến đánh Chân Lạp, ông muốn thu phục họ bằng cảm tình nên nhận của tiến cống và rút quân về) nên bị truất.

Dưới triều Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1724) ông được phục chức Cơ Cai rồi lần lên chức Chương Cơ.

Năm Giáp Thân (1704) ông được bổ Trấn thủ Quảng Bình. Lúc này nhân dịp rảnh rỗi ông sáng tác nên truyện “*Song Tinh Bất Dạ* □星不夜” bằng chữ Nôm, thể lục bát.

---

<sup>1</sup> Đông Hồ: *Truyện Song Tinh* - Bốn Phương - Sài Gòn 1962, trang XI: “Có chỗ chép là Lễ Tài Hầu”.

Năm Quý Ty (1713) ông mất được tặng Đôn Hậu Công thần, thụy Nhu Từ.

*Song Tinh Bất Dạ* là tác phẩm lớn, dài 2216 câu được sáng tác khá lâu, nhưng học giới gần như không biết đến. Cách đây 10 năm<sup>1</sup>, học giả Đông Hồ sao lục và ấn hành căn cứ vào bản phiên âm năm 1906 từ Nôm ra quốc ngữ của Hữu Lân tiên sinh (bác của ông). Bản phiên âm này, được thực hiện cách đây khá lâu, thời chữ quốc ngữ chưa được phổ cập trong dân gian và thời văn chương còn được coi như của chung, nên chúng ta khó tin tưởng có sự trung thực hoàn toàn với nguyên tác. Chính nhà sao lục đã công nhận điều đó:

“Tôi đem (bản Nôm) so sánh với bản chép tay bằng quốc ngữ thì thấy tám phần mười về đầu tập truyện sai biệt nhau rất ít, có thể nói là gần đúng hẳn. Chỉ có hai phần mười về cuối tập truyện, thì sai biệt khá nhiều. Trong nguyên bản chữ Nôm còn thấy có nhiều chỗ chữa, chen giữa hàng, cũng bằng chữ Nôm, mà chữ nhỏ hơn, là chữ của Hữu Lân tiên sinh chữa<sup>2</sup>.”

Sự sửa chữa này khiến bản văn đến gần hay đi xa hơn nguyên tác chúng ta chưa dám cả quyết

---

<sup>1</sup> Thật ra trước đó, ở tập san Khai Trí Tiên Đức (Số 7 và 8 tháng 7 và 12 - 1942) ông Đông Hồ đã viết bài khảo cứu về tác phẩm này rồi, nhưng còn rất sơ lược.

<sup>2</sup> Đông Hồ - Sđd, trang XXIII.

vì bản Nôm, bản khắc cũng như bản chép tay, ngày nay không còn nữa.

Tuy nhiên bản *Song Tinh Bất Dạ* do học giả Đông Hồ công bố có rất nhiều câu giống với truyện Kiều.

Ông Phạm Thế Ngũ có công lượm ra những câu tương tự giữa *Song Tinh Bất Dạ* và *Kim Vân Kiều*<sup>1</sup>.

Điều này cho chúng ta đi đến kết luận sự sửa chữa đã đến mức độ trầm trọng. Thật vậy, ta không thể bảo những câu tương tự giữa “*Song Tinh*” và “*Kiều*” là câu của Nguyễn Hữu Hào, mà phải nói là Nguyễn Du, bởi vì nếu tác phẩm của Nguyễn Hữu Hào ảnh hưởng lên tác phẩm của Nguyễn Du thì *Song Tinh Bất Dạ* phải được lưu hành rộng rãi trong nhân gian chớ không mai một đến hơn hai

---

<sup>1</sup> Phạm Thế Ngũ - VNCHHÚTB - Quyển II, trang 226.

- Cùng nhau căn vặn vấn dài (ST) / Cùng nhau căn vặn đến điều (K).

- Đã đành nước chảy hoa bay quản gì (ST) / Đã đành nước chảy hoa bay lỡ làng (K)

- Chàng Sinh trở lại thư song (ST) / Chàng Kim từ trở thư song (K)

- Ba sinh mừng đã phỉ nguyên nam nhi (ST) / Ba sinh đã phỉ mười nguyên (K)

- Nhìn xem trời nước mệnh mông (ST) / Trông vời trời nước mệnh mông (K)

- Bên lòng trăm mối ngổ ngang (ST) / Ngổ ngang trăm mối bên lòng (K)

trăm năm (1704 - 1962) trong khi quyền chịu ảnh hưởng lại được lưu truyền rộng rãi.

Tuy nhiên tác phẩm vẫn còn phần nào vết tích nguyên bản ở những chữ cổ:

- Chường (=thưa): “*Bặt tin chẳng thấy quân hồi chường qua*”

- Đòi (=nhiều): “*Lịnh truyền tìm kiếm đòi nơi*”

- Ken (=gắn, chếp vào): “*Xót hiềm bạch ốc, chưa ken xích thẳng.*”

- Thốt (nói): “*Thốt thôi, thoạt đã biến đi, Hạc, Vân tỉnh giấc vậy thì hỏi nhau*”

- Thừa<sup>1</sup>(của): “*Mộng trung không biết thừa bài thiệt ngoa.*”

- Hản (=Hản hoi, rõ ràng): “*Ắt là hản vậy chẳng ngoa*”

- Trái (=trây=đi): “*Con rầy muốn trái phương xa, Trước là du học, sau là cầu hôn*”

- Thừa<sup>1</sup> (Không kín, không giữ gìn): “*Nghe thôi Sinh mới cúi chường*”

---

<sup>1</sup> Thừa người xưa dùng dịch chữ kỳ có nghĩa của. Nghĩa cả câu này: “Không biết những gì ở trong mộng nói thiệt hay giả!”

*Rằng trong danh giáo ngữ thường dám thưa.”*

- Han (hỏi), và<sup>2</sup> (= vài):

*“Cõi này khác chốn yên hoa,  
Dám han cho khách một và lời quê”;  
“Dám han lệnh tự dưới chân mấy người”  
“Gác cần lão vội han rằng:  
Bởi đâu cát sĩ chưa từng mặt quen”;  
Dám han quán cũ quê xưa”*

- Chiên (= thăm, chiếu):

*“Khiến hề kíp trái bức chiên”;  
“Đồng trào, hoạn lộ hàng chiên”*

- Tót<sup>3</sup> (= tột): *“Sơn xuyên cầu khí, khoa danh  
tót đời”.*

- Mắng (=nghe biết):

*“Giang ông vừa mắng tin nàng,*

---

<sup>1</sup> Thưa 疎 dịch chữ sơ, hờ. Tác giả “Văn học Miền Nam - Khai Trí, Sài Gòn - trang 98, cho là “coi rõ” e rằng không được chính xác.

<sup>2</sup> Han và và đều xuất hiện nhiều ở tác phẩm thế kỷ XIX: “*Trước xe lời là han chào*”, *Cành mai trắng đêm một và bông hoa*” (Kiều). Hoặc: “*Trước han tìm bạn sau là nghĩ chân.*” (Lục Vân Tiên)

<sup>3</sup> Kiều: “*Ghé trên ngòi tót xỏ xàng*” Nhị Độ Mai: “*Trên mui ngòi tót một người*”, nói chung STBD tuy có nhiều tiếng cổ, ngày nay đã mất nhưng những tiếng này tác phẩm ở Bắc Hà thời đó vẫn dùng nên ta có thể kết luận thời này mặc dầu đất nước bị chia đôi ngôn ngữ vẫn thống nhất.

*Dật dờ phách quế, mơ màng hồn mai”*

- No nao (=bao giờ): “*Biết no nao được phản hồi tình thân!*”

- Giềng (=xóm, bên cạnh): “*Gà giềng trôi tiếng trống thành sang tư*”.

Tóm lại, do uy tín của học giả Đông Hồ, do chúng có trong “*Đại Nam liệt truyện*” và do những chữ cổ còn trong tác phẩm ta có thể tin tưởng *Song Tinh Bất Dạ* do Nguyễn Hữu Hào sáng tác. Tuy nhiên vì có sự sửa đổi văn chương ta chỉ có thể nhìn tác phẩm này trên phương diện nội dung, kết cấu, tư tưởng và bỏ qua phần sử dụng ngôn ngữ của tác giả<sup>1</sup>. (Nếu sự sử dụng ngôn ngữ có nghệ thuật, công trình này phải được coi như thành quả chung của nhiều người chứ không riêng gì của Nguyễn Hữu Hào).

### **Song Tinh Bất Dạ, truyện thơ thuộc truyền thống cổ điển.**

Mặc dầu thuộc truyện diễn ca bác học đầu tiên của Việt Nam, *Song Tinh Bất Dạ* có thể được xếp vào loại tác phẩm cổ điển vì những lý do sau:

---

<sup>1</sup> Phần hình thức ta có thể khảo cứu như ông Đông Hồ đã thực hiện (sdd) câu tạo ý dí dỏm, sự đối đáp của nhân vật ...

**a. Cốt truyện đi theo triết lý biến dịch của kinh Dịch.**

Câu chuyện Song Tinh có thể tóm lược làm 3 phần :

1. Sum hợp: (câu 1 - 972) Thu Sinh Song Tinh (hiệu Bất Dạ), con nuôi của Giang Chương (Hiệu Giám Hồ) từ nhỏ ở với mẹ ruột, đến khi lớn mẹ cho về nhà cha nuôi để mong được giúp đỡ ăn học. Nơi đây Song Tinh cảm tài và yêu Nhụy Châu con gái của Giang Giám Hồ. Hai chàng mặc dầu đã hàm chứa tình ý nhưng không dám tỏ bày vì ngại trái với đạo lý, luân thường.

Vì tình yêu quá nặng, Song Tinh mang bệnh, Giang Giám Hồ phải hứa gả Nhụy Châu cho, từ đó chàng hết bệnh, lo miệt mài đèn sách.

2. Chia ly: (Câu 973 - 1566) Song Tinh lên đường ứng thí, đậu Trạng Nguyên. Đồ phò mã đề nghị gả tiểu thư cho nhưng Song Tinh từ chối viện cớ mình đã có nơi đính ước. Đồ phò mã tức giận tâu vua cho Song Tinh đi dẹp giặc Phiên. Nơi đây chàng được Phiên vương kính tài ứng đối lưu loát nên thân phục.

Ở nhà, Giang Giám Hồ cự tuyệt việc cầu thân của Hách Nhược Sinh, công tử con của Hách Nguyên Nhung nên bị đê tâm thù oán. Nhân có lệnh vua tuyển cung phi, Nhược Sinh bàn với hoạn quan Dao Giản tuyển Nhụy Châu tiến cung.

Trên đường về kinh đô, Nhụy Châu tự trầm nhưng được hai gia nhân của Song Tinh cứu thoát và đưa về quê ở với Song bà.

3. Tái hợp: (Câu 1567 - 2216) Đẹp giặc xong trở về, Song Tinh được biết Nhụy Châu đã chết nên buồn bã, tiếc thương. Khi trở về quê nhà chàng gặp Nhụy Châu ở đây. Vợ chồng lại sum họp.

Câu chuyện như vậy có thể tóm lược thành ba giai đoạn gặp gỡ - chia ly - tái hợp. Quan niệm biến dịch: hợp - tan - hợp là quan niệm căn bản của triết lý cổ điển Trung Hoa, ở đây được mở rộng ra để diễn sự biến dịch của cuộc đời, của tình duyên

***b. Tư tưởng đi theo niềm tin Nho giáo và sự tuần hoàn của vũ trụ.***

Niềm tin theo tư tưởng Nho Giáo bộc lộ trong cách sắp xếp tình tiết của tác phẩm Song Tinh: người ngay trời không phụ, kẻ độc ác sẽ nhận lãnh những kết quả tàn khốc:

- Song Tinh bị đưa vào cảnh cùng: quan văn lại bị bắt buộc cầm quân dẹp giặc Phiên hung dữ nhưng cũng giải quyết được êm thấm.

- Nhụy Châu tự trầm để vẹn niềm chung thủy nhưng rồi được cứu thoát và sum họp lại với người yêu.

- Hách Nhược Sinh làm điều quấy nên chết thảm.



Lòng tin vào sự tuần hoàn của vũ trụ thể hiện hiện ở tình tiết “Hết cơn bã cực tới hồi thối lai” tư tưởng này gần như hiện diện trong hầu hết truyện diễn ca Việt Nam.

### *c. Ngôn từ của người xưa.*

Văn chương Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều của Trung Hoa nên sự diễn tả không thoát ra được những cách thể người xưa đã sử dụng. Chẳng hạn diễn tả cảnh nhiều nơi muốn gả con gái cho Song Tinh:

*“Đòi nơi phủ tía lầu hồng,  
Chốn lăm quyền phượng, chốn hồng rủ tơ.”*

Nói về chuyện vợ chồng đẹp đôi:

*“Trăng già mối kết, đào non thơ bài.  
Giai nhân tài tử sánh hai,  
Đạo hòa cầm sắt, duyên hài phượng loan”*

Tả một người quá bốn mươi tuổi:

*“Hai mai tuyết đã điểm ngàn  
Trên vai bất hoặc, dưới tuần tri thiên<sup>1</sup>”*

Diễn ý nhiều chàng trai gả ghé nhưng chưa được đàn gái chấp nhận:

*“Ghe phen bình tước góc ngoài*

---

<sup>1</sup> Do câu: “Tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập tri thiên mệnh”

*Trái duyên họ Đậu, pháp tài chàng Uyên”.*

Ngôn từ trong Song Tinh Bất Dạ tóm lại, thường ở thể gián tiếp, điều muốn nói đến được diễn tả bóng bẩy bằng những hình ảnh, ý tưởng, điển tích xưa của Trung Quốc.

Văn chương nhờ đó cao kỳ, thanh nhã hơn nhưng đồng thời cho thấy tác giả vẫn chỉ bước theo con đường mòn của người đi trước, mặc dầu sức học của người viết rất uyên thâm.

#### ***d. Nhân vật và địa danh thuộc về Trung Quốc.***

Song Tinh Bất Dạ ngoài cốt truyện, niềm tin, ngôn từ còn cố điển ở chỗ nhân vật, địa danh của câu chuyện đều được mượn của Trung Quốc. Những nhân vật chánh mang họ Trung Hoa, hoàn toàn xa lạ với Việt Nam: Song Tinh, Giang Chương (hiệu Giám Hồ), Hách Nhược Sinh, Dao Giản. Những địa danh có thật ở Trung Quốc: Thục Xuyên, Triết Tây, Kiếm Các, Sơn Âm, dòng Tây Tử, gành Nghiêm Lăng, cầu Mộng Bút, cầu Linh Dĩ mặc dầu được tác giả mượn để lồng vào đó ý tưởng của mình - Có thể tác giả không muốn dùng nhân vật và địa danh Việt Nam vì ngại những hiểu lầm có thể xảy ra - nhưng cũng phần nào cho ta cảm thấy xa lạ, ngỡ ngàng, và nhất là nhận chân được tinh thần chưa độc lập khi sáng tác, tính chất cố điển của tác giả.

*e. Cốt truyện và tâm lý nhân vật cứng nhắc, thông thường.*

Điều này là hệ luận của truyện Trung Quốc. Vì viết để trình bày triết lý biến dịch, viết để cho người đọc thấy chính nghĩa thắng, tà bại vong nên tác giả dùng ngòi bút của mình sắp xếp các sự kiện sao cho phù hợp với những tiêu chuẩn căn bản mà mình muốn diễn tả. Ở Song Tinh Bất Dạ, cuộc gặp gỡ giữa Song Tinh và Nhụy Châu quá dễ dàng: trên đường đi Song Tinh gặp một ông lão, sau một lúc chuyện trò, họ nhận ra nhau, về nhà Song Tinh được diện kiến Nhụy Châu và mối tình xảy ra. Song Tinh bị nạn vì một lời từ chối rất hợp lý. Nhụy Châu suýt chết lại được phép màu cứu thoát để đoàn tụ với người yêu. Man Vương binh hùng tướng mạnh nhưng dẹp can qua dễ dàng vì thấy thiên sứ có tài ứng đối.

Tâm lý nhân vật cũng vậy, xa cách con người tại thế với những ham muốn tầm thường, nhưng rất *người*, nhân vật ở đây đi theo con đường thẳng không có những ngõ rẽ. Ai xấu sẽ xấu từ trước đến sau, ai tốt, tốt từ đầu đến cuối. Song Tinh vẹn tình tuyệt đối với Nhụy Châu: từ chối hôn nhân mới, “một nhà vậy hợp, hai phòng xin phân” khi bị bắt buộc phải cưới Thẻ Vân. Hách Nhược Sinh ăn chơi, thất vọng vì bị từ chối hôn nhân đã âm mưu hãm hại người. Đồ phò mã cũng vậy, ghen hiên, ghét ngõ, tự ái xằng ....

Chiếc đũa thần của tác giả xếp đặt sự kiện để cứu người ngay, để xô người đoan chính vào những trạng huống khổ sở và tâm lý nhân vật một chiều có thể nói là tinh chất căn bản nhất của truyện Trung Quốc ở Việt Nam, tạo nên tính chất cổ điển của truyện Nôm.

### **Thử tìm ý nghĩa cho Song Tinh Bất Dạ.**

Có người cho Nguyễn Hữu Hào mô phỏng một cốt truyện nào đó của Trung Hoa<sup>1</sup> chúng tôi nghĩ, quyết đoán như vậy e hơi vội vàng vì sự tương tự ở nội dung, kết cấu, giữa tác phẩm Nôm Việt Nam và tác phẩm Trung Quốc là điều đương nhiên phải có, vì sinh ra từ ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc. Muốn quyết đoán ta phải tìm được tác phẩm của Trung Quốc - như trường hợp Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du - nếu không, chúng ta sẽ đi đến kết luận bất cứ truyện Nôm nào của Việt Nam cũng mô phỏng từ bản văn của Trung Quốc<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> Phạm Thế Ngũ - VNVHGÚTB - Quyển I, Quốc học Tùng Thư, Sài Gòn, Nhân Dân, trang 223.

<sup>2</sup> Chúng tôi đề nguyên ý của mình trong lần in thứ nhất. Những năm gần đây học giới có truyền tay nhau nguyên bản một quyển tiểu thuyết tình cảm Trung Hoa đời Minh, nguồn gốc của Song Tinh Bất Dạ. Nguyên bản dở vì chú trọng đến và xoáy mạnh trên cái tình cảm yếu đuối tình si của Song

Truyện của Trung quốc vốn đơn giản, từ đó chi tiết bị hy sinh, tâm lý nhân vật bị câu tạo theo chiều hướng nhất định, vì vậy dễ có tính cách khuôn sáo, ngô nghê, xa con người xã hội, nhưng cũng nhờ đó truyện Trung Quốc có một sắc thái riêng, không giống với truyện của những nước khác.

Song Tinh Bất Dạ cũng được câu tạo đơn giản về câu truyện, theo thuyết lý biên dịch về nội dung, nhưng từ đó khi đi đến kết luận “*Phỏng theo một câu chuyện nào đó của Tàu*” luận cứ trên khó thể được mọi người đồng ý. Điều chắc chắn nhất, *Song Tinh Bất Dạ* chịu ảnh hưởng của cách viết truyện, lối hành văn, quan niệm triết lý của Trung Quốc cũng như nhân danh, địa danh<sup>1</sup>.

Nhưng vấn đề đặt ra: Do động lực nào thúc bách, Nguyễn Hữu Hào sáng tác nên *Song Tinh Bất Dạ* ?

Tiểu sử Nguyễn Hữu Hào cho ta một chi tiết quan trọng để giải thích lý do hình thành tác phẩm

---

Tinh cho nên chỉ là một truyện tình bình thường. Song Tinh Bất Dạ về văn chương hay hơn nhiều...

<sup>1</sup> Phạm Việt Tuyên - ssđ, trang 91 cũng có quan niệm gần như tương tự - vì ông chỉ để ý đến nhân danh và địa danh – “*tác giả chỉ mượn nhân danh và địa danh của Trung Hoa mà xây dựng nên một truyện hoàn toàn của mình, cũng giống như trường hợp của Nguyễn Đình Chiểu với cuốn Lục Vân Tiên sau này*”.

Song Tinh. Khi giữ nhiệm vụ đánh Chân Lạp ông nghe lời cầu xin của Chiêm Dao Luật, nữ sứ giả Chân Lạp, nên dừng dăng không tiến quân, có lần các tướng dưới trướng khuyên nên nhất quyết, ông giải thích: “*Đế vương xưa muốn cho phương xa mến phục, đều trọng lễ chứ không quý vật.*”<sup>1</sup> cuối cùng ông rút quân về. Vì vậy ông bị bãi chức.

Qua câu nói *Đại Nam Liệt Truyện* còn ghi lại ta có thể nghĩ Nguyễn Hữu Hào muốn chinh phục Chân Lạp bằng tình cảm, muốn được sự thần phục từ tinh thần chứ không vì ngại binh hùng tướng mạnh. Ông cũng muốn cho thấy khả năng của văn hiến, của thương nghị, ngoại giao. Ta có thể nói, qua *Song Tinh Bất Dạ* tác giả đưa ra một chủ thuyết đối ngoại, tìm sự tâm phục của nước lân bang. Chủ thuyết này rất ích lợi cho công việc mở rộng đất đai về phương Nam của các Chúa Nguyễn vì dễ dàng thành công lại tránh khỏi can qua.

Nhưng những người đồng thời với Nguyễn Hữu Hào đã không hiểu được dụng ý này của ông, ông cần trình bày - mặc dầu xa xôi, bóng bẩy bằng một câu chuyện - sự trình bày có tác dụng như một lời giải thích đồng thời minh oan cho hành vi của mình. Do đó, trong *Song Tinh Bất Dạ* tác giả đã tạo ra nhân vật chỉ biết thuần văn chương nhưng được sự thần phục của phiên bang nhờ tài ứng đối:

---

<sup>1</sup> *Đại Nam liệt truyện tiền biên* - Mục “chư thần”

*“Trạng từ mới đến Man đình.  
Man vương còn hãy ngạo tình kiêu lung.  
Thấy chàng ứng đối như dòng.  
Khen rằng thiên sứ nước trong có người  
Điều thời kính phục oai trời.  
Xưng thân chức chịu cõi ngoài Phiên vương  
Cống dựng biểu tâu Thánh hoàng.  
Kim ngân châu ngọc đưa chàng hoàn kinh.”*

Tác phẩm *Song Tinh Bất Dạ* vì vậy như là một phương tiện để tác giả nói với giới hữu trách quan niệm của mình về cách thức thu phục các nước kém mở mang đồng thời ông cũng dùng nó để biện hộ cho chính mình, với người đồng thời và với cả hậu thế.

Có nhà viết văn học sử cho rằng Nguyễn Hữu Hào nhìn thấy sự xuống dốc của giai cấp quý tộc phong kiến ở Nam Hà, một sự xuống dốc theo Nguyễn Hữu Hào rất nguy hiểm cho chế độ nên để củng cố lòng tin tưởng chính nghĩa nơi quần chúng, ông viết nên truyện *Song Tinh Bất Dạ* củng cố bằng cách chứng minh sự tất thắng của chính nghĩa, tiêu biểu là Song Tinh và Nhụy Châu<sup>1</sup>. Nhận xét này chỉ đúng một phần vì hầu hết - nếu không nói là tất cả - truyện Nôm của Việt Nam đều đi đến kết cuộc chính nghĩa thắng, gian ác tà vạy vong. Giải thích lịch sử trong trường hợp này hơi gượng ép vì

---

<sup>1</sup> *Lịch sử Văn học Việt Nam* - nhóm Văn Tân, quyển IV.

không nêu được tính chất đặc biệt của tác phẩm, của tác giả. Ở đây ta phải trở về cuộc đời của tác giả<sup>1</sup>, gắn liền tác phẩm với biến cố quan trọng trong cuộc đời của tác giả. Trường hợp Nguyễn Hữu Hào, *Song Tinh Bất Dạ* đối với ông như một cứu cánh, một lời trần tình, nhất là ông phải đánh tan những nghi ngờ có thể phảng phất trong lòng người đang có quyền lực quyết định cuộc đời ông<sup>2</sup>.

\*\*\*

Trước đây Đông Hồ đã nhấn mạnh đến nghệ thuật tả cảnh rất sống thật, linh động, đến tính cách hóm hỉnh, hài hước, chua ngoa của người đầy tớ gái trong tác phẩm; các nhận xét này có thể coi như những khám phá căn bản về giá trị văn chương của quyển *Song Tinh Bất Dạ*. Tuy nhiên trong việc tìm hiểu văn học và tư tưởng của nhà văn Nam Hà chúng ta có thể nói Nguyễn Hữu Hào chịu quá nhiều ảnh hưởng của truyện Trung Hoa - về tư tưởng cũng như hình thức - mặc dầu ông đã thành

---

<sup>1</sup> Giả thuyết này càng vững hơn nếu ta để ý cha của Nguyễn Hữu Hào, Nguyễn Hữu Dật vì bị gièm pha nên phải bị hạ ngục, đã viết sách “*Hoa Vân, Cáo Thị*” để gián tiếp minh oan, khi sách đến tay Chúa Hiền, Chúa hiểu ý và tha tội cho ông.

<sup>2</sup> Nên nhớ *Song Tinh Bất Dạ* được viết lúc ông trấn thủ Quảng Bình, khi công việc rảnh rỗi.



công, thành công trong việc minh oan cho mình, đồng thời tạo cho các Chúa Nguyễn một dịp suy nghĩ: tiến chiếm miền Nam Chân Lạp bằng võ lực hay bằng phương cách khác?

Biết đâu những cuộc di dân âm thầm để chiếm đất lấn ranh nguyên dải đất phì nhiêu của đồng bằng Nam Bộ lại chẳng do chủ trương của nhà cầm quyền lúc đó, và xuất phát xa gần từ quyền truyến của Nguyễn Hữu Hào?

## Phụ Lục

### Song Tinh Bất Dạ

(Trích)

#### Vào Đê.

Cửa xe đài án việc rồi,  
Màn trong giảng kể, Sách ngoài dọn biên.  
Hơi đâu nông nổi chê khen,  
Chấp kinh mặc thích, tòng quyền dầu ai.  
Cũng sanh nhúc nhúc dưới trời  
Khỏi loài rằng lạ, hơn người rằng ngoan.  
Định tình biết đủ mới an,  
Trải từng sự vật mấy trang anh hùng.

## Song Tinh từ tạ Song bà đến nhà Giang Giám Hồ.

Thục Xuyên có gã họ Song,  
Chữ xưng Bất Dạ nho phong nổi nèn.  
Lễ văn họp bạn sách đèn,  
Mực roi điểm ngọc, thi nên khua vàng.  
Thế thanh khí vũ hiên ngang,  
Thăm khơi độ lượng, rõ ràng nghi dung.  
Đòi nơi phủ tía lâu hồng,  
Chôn lăm quyền phượng, chôn hồng rử tơ.  
Song bà chạnh nhớ niêm xưa,  
Giục sanh sớm định quan thư kịp thời.  
“Đương khi thế thái trọng vì,  
Dễ lời mai ước, tiện bề hôn nhơn.  
Trước là phỉ thừa dạ con,  
Sau là lòng mẹ khỏi còn toan đương”  
Nghe thôi sanh mới cuối chường.  
Rằng: “Trong danh giáo ngũ thường dám

thừa.

Hãy chờ Nguyệt lão xe tơ,  
Con thơ sẽ liệu, mẹ già lo chi!”  
Thấy chàng cượng ý chẳng y,  
Song bà nhân ấy, lòng bi bàn hoàn.  
Nhân khi trong lúc thừa nhàn,  
Người sanh lén tới bên màn chường qua.  
“Con rày muốn trải phương xa,  
Trước là du học sau là cầu hôn.  
Mặc con kỳ ngộ dễ don,  
Trăng già mối kết, đào non thơ bài.

Giai nơn tài tử sánh hai,  
Đạo hòa cầm sắt, duyên hài phượng loan.  
Sớm khuya tất dạ thừa hoan,  
Song Thần em hãy tỉnh khang giữ gìn”  
Song bà rằng: “Lẽ ấy nên,  
Hề đồng hai gã, bạn cùng một đai.  
Mặc con vên thủy dầu chơi.  
Việc nên kíp trở tin hồi mẹ hay”.  
Ân cần lời lại dặn bày.  
“Phu quân xưa có bạn mày đồng niên.  
Đồng trào hoạn lộ, hàng chiến.  
Ngôi cao Ngự Sử quê miền Triết Tây.  
Đứng (đáng) nên nghĩa khí thẳng ngay.  
Ngày xưa từng đã nuôi mầy làm con.  
Năm sau điếm ứng mi môn.  
Trở sanh một đóa mẫu đơn khác thường.  
Chất chiu bằng ngọc hơn vàng.  
Quyết mầy làm rê đông sàng nghị vay.  
Này bao tạo hóa khéo tay.  
Phu quân sớm đã non mây vội dòi.  
Linh nhi, quê cũ đề vời.  
Điều tang ơn chịu của người giúp đưa.  
Những từ trở lại quê xưa.  
Quan san cách nẻo, âm thư đặt truyền.  
Chầy ngày, chút muốn quên tên,  
Con dầu qua đó thăm tin hỏi cùng.  
Ngõ còn nhớ nghĩa thủy chung,  
Tiện nơi nương dựa dựng công sách đèn”.  
Vâng lời, bái tạ từ huyền,

Đeo cầm lộng hạc, gác yên giục lừa.  
Thức nhành hây hây gió đưa,  
Ý xuân giục khách, bạn thơ quên người.  
Nga - Mi sừng sững giữa trời.  
Khởi nơi Kiếm - Các, kê vờn Triết Tây.  
Sơn Âm chớn chở từng xây,  
Đá hang rêu phủ, cỏ cây khói lồng.  
Dặm ngàn khói tỏa mây phong,  
Thoáng qua chùa Huệ, nẻo thông Hương -

đình

Nước non sao khéo hữu tình,  
Kìa dòng Tây Tử, nọ gành Nghiêm Lăng.  
Việt Vương đài nọ mây từng,  
Rong treo tường bích, lau dưng cỏ hoa  
Ngang cầu Mộng Bút vừa qua,  
Thái - Ung còn biển, Tào Nga còn bài.  
Đất sanh gái sắc trai tài,  
Người đời tuy khác, đấu đời còn ghi.  
Biết bao thủy tứ sơn kỳ,  
Cảnh vui mấy chốn, thơ thì mấy thiên  
Bút hoa làng nọ gần miền  
Mặc Trì đã khởi, kê liền Sơn Âm.  
Bãi lan sóng dợn lăm chằm  
Một vùng mộng uyển, nghìn tâm quên phơi.  
Ngạn đôi cây cỏ phô tươi,  
Liều khoe mây lục, đào cười môi son.  
Dập dìu quý tử vương tôn,  
Xe ngừng xóm nghiệp, ngựa bon dặm hòe.  
Giang san cầm tú bình vi,

Thục Xuyên so lại thế thì xa khơi.  
Cảnh thanh, tính hứng mảng chơi.  
Nào hay là chôn thợ trời giúp ta.

### **Song Tinh đậu Trạng, lãnh chiếu dẹp giặc :**

Sanh từ ra chôn đế thành.  
Thi thư ôn cố, sử kinh giỏi mài.  
Mảng đo tác vắn, ngày dài.  
Thỏ xây ác lặn non đoài ruồi qua.  
Thời vừa giữa tiết trung hòa,  
Bảng trèo ló thấy chàng đà treo lên.  
Long đầu giáp đệ Trạng Nguyên,  
Phả cao thiên hạ, tiếng truyền triều trung.  
Có quan Phò mã Đồ - Công.  
Trọng tài muôn rẻ khiến **hồng** làm mai.  
Mai nhân đến trước ngõ bày,  
Trạng rằng đã định duyên hài bố kinh.  
Mai về thừa lại sự tình,  
Đồ công quyết ý nghiêng bình thù tây.  
Trạng từ cao bước thang mây,  
Dựa kê bệ phượng, sánh bày hàng loan.  
Từ ngày tận mặt thiên nhan,  
Ba sinh mừng đã phỉ nguyên nam nhi.  
Quốc gia vừa thuở bình thì,  
Trạng bèn dâng biểu xin về tỉnh thân <sup>1</sup>  
Đồ công mấy kẻ cận thân,

---

<sup>1</sup> *Tỉnh thân*: là thăm nom cha mẹ (song thân), chú ý phân biệt với *tĩnh thân* chỉ là yên tĩnh riêng mình.

Ba phen ngăn trở cửu trùng chẳng lo.  
Trạng hay Đồ kết thù tho,  
Tuy vui việc nước, hăng lo việc nhà,  
Tờ mây thảo thảo trao qua,  
Dẫn Vân, chớ khá dân dà nhọc trông.  
Dem về trình với Giang ông,  
Kíp đưa Nàng tới sở công kinh kỳ.  
Trước là Đồ tướng tuyệt nghi,  
Sau là hoa chúc phải thì giao hoan.  
Thanh Vân, Dĩ Hạc băng ngàn,  
Trạng Nguyên từ ấy trí càng bảo thân.  
Trách thay xanh thắm chẳng phân,  
Thiên duyên nữ khiến bấy lần tuyết sương.  
Đất bằng sấm dậy một phương,  
Phiên bang dấy loạn oanh dương cõi ngoài.  
Bình thời ai nẩy khoe tài,  
Đến khi gặp việc kiếm bài từ nan.  
Đồ công gẫm biết cơ quan,  
Dương lời công tiến, tiềm toan tư thù.  
Mấy người cận thị liền tâu,  
Rằng trong khiễn sử phải âu kén tài.  
Xem trong thị viện khoa đài.  
Song Tinh so lại hơn người rất xa.

(sốt 1 câu ?)

Trước không nhục mạng, ắt là việc yên.  
Vua nghe lệnh xuống chỉ truyền,  
Trạng vâng phù tiết vậy liền bước ra.  
Việc Vua há dám dân dà,  
Thuyền lau gió thuận, giống là sóng khơi.

Chẳng nên trách đất than trời,  
Việc công là trọng, dễ lời khinh khi.  
Tang bồng là chí nam nhi,  
Sá chi hải giác, quản gì quan san.

*(trích theo bản của Đông  
Hồ - Bốn Phương 1962)*